

Số: /2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH**Tăng cường hoạt động trợ giúp pháp lý cho người thuộc hộ nghèo, người được trợ giúp pháp lý giai đoạn 2023 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định tăng cường hoạt động trợ giúp pháp lý cho người thuộc hộ nghèo, người được trợ giúp pháp lý giai đoạn 2023 - 2030.

Điều 1. Đối tượng thụ hưởng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng thụ hưởng: người thuộc hộ nghèo, người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh: các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó ưu tiên các địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 2. Các hoạt động hỗ trợ

1. Thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng phức tạp hoặc điển hình.

2. Hỗ trợ viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi

ngang ven biển và hải đảo, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đủ điều kiện tham gia khóa đào tạo nghề luật sư và cam kết làm việc trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý ít nhất 05 năm kể từ khi hoàn thành khóa học; hỗ trợ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

3. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức pháp luật trợ giúp pháp lý tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo khu vực, vùng miền và địa phương:

a) Cho người thực hiện trợ giúp pháp lý: Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, luật sư và tư vấn viên pháp luật của các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, cộng tác viên trợ giúp pháp lý;

b) Cho người tham gia công tác trợ giúp pháp lý: các công chức, viên chức, chuyên viên, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan, phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý.

4. Truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Xây dựng, cung cấp các tài liệu, ấn phẩm, chương trình truyền thông về trợ giúp pháp lý để phát hành, phủ sóng các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi thụ hưởng;

b) Biểu dương người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng có thành tích trên phạm vi toàn quốc;

c) Tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở;

d) Trao đổi kinh nghiệm về thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng và kinh nghiệm thực hiện phối hợp trợ giúp pháp lý giữa các địa phương;

đ) Xây dựng, phát chuyên trang, chuyên mục về trợ giúp pháp lý bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc trên Đài Phát thanh, Truyền thanh cấp xã hoặc cấp huyện (nơi không có phát thanh, truyền thanh cấp xã);

e) Đặt bảng thông tin (điện tử hoặc thông thường), hộp tin về trợ giúp pháp lý tại Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa thôn.

Điều 3. Định mức tài chính đối với các hoạt động hỗ trợ

1. Hỗ trợ thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình: thực hiện theo định mức quy định tại Nghị định số

144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.

2. Hỗ trợ viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đủ điều kiện tham gia khóa đào tạo nghề luật sư và cam kết làm việc trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý ít nhất 05 năm kể từ khi hoàn thành khóa học; hỗ trợ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số: Theo mức học phí hiện hành của cơ sở đào tạo.

3. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức pháp luật trợ giúp pháp lý tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo khu vực, vùng miền và địa phương: Nội dung chi và mức chi cụ thể, hồ sơ chứng từ thanh quyết toán thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản hướng dẫn theo quy định.

4. Truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Xây dựng, cung cấp các tài liệu, ấn phẩm, chương trình truyền thông về trợ giúp pháp lý để phát hành, phủ sóng các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi thụ hưởng: Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được duyệt;

b) Biểu dương người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trên phạm vi toàn quốc: theo quy định của pháp luật về thi đua – khen thưởng;

c) Tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở: mức chi tối đa 3.000.000 đồng/đợt/xã, thôn/01 lần/năm;

d) Trao đổi kinh nghiệm về thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng và kinh nghiệm thực hiện phối hợp trợ giúp pháp lý của các địa phương: Nội dung chi và mức chi cụ thể, hồ sơ chứng từ thanh quyết toán

thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và các văn bản hướng dẫn theo quy định;

đ) Xây dựng, phát chuyên trang, chuyên mục về trợ giúp pháp lý bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc trên Đài Phát thanh, Truyền thanh cấp xã hoặc cấp huyện (nơi không có phát thanh, truyền thanh cấp xã): mức chi tối đa 750.000 đồng/01 số/06 tháng/xã, thôn; chi phí phát thanh: 750.000 đồng/xã, thôn/quý (06 lần/quý);

e) Đặt bảng thông tin (điện tử hoặc thông thường), hộp tin về trợ giúp pháp lý tại Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa thôn: mức chi tối đa 4.000.000 đồng/xã, thôn/lần (02 lần/giai đoạn).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Quyết định do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, ngành, địa phương có liên quan theo pháp luật hiện hành.

1. Ngân sách trung ương:

Bổ sung có mục tiêu đối với các địa phương chưa tự cân đối ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 2 theo định mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Bộ Tư pháp thực hiện các hoạt động theo điểm a khoản 3 và điểm a, điểm b và điểm d khoản 4 Điều 2 theo định mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện trợ giúp pháp lý năm hiện hành, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tại các địa phương chưa tự cân đối ngân sách lập dự toán gửi Sở Tư pháp tổng hợp để gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trên cơ sở dự kiến nguồn thu, nhiệm vụ chi của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp dự toán đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu theo các nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2 theo định mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 Quyết định này và tổng hợp vào dự toán chung của Bộ Tư pháp và báo cáo về Bộ Tài chính trình cơ quan có thẩm quyền bổ sung có mục tiêu để thực hiện.

Việc lập và gửi dự toán hàng năm đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương đảm bảo cho công tác trợ giúp pháp lý theo Quyết định này phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành và pháp luật có liên quan.

2. Ngân sách địa phương:

a) Đối với các tỉnh chưa tự cân đối ngân sách: Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý quy định tại các điểm c, d và e khoản 4 Điều 2 theo định mức quy định tại Điều 3 Quyết định này;

b) Đối với các tỉnh, thành phố tự cân đối ngân sách: Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, hoạt động quy định tại Quyết định này.

3. Kinh phí từ nguồn tài trợ của các dự án hợp tác quốc tế, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Việc sử dụng các nguồn kinh phí huy động phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

Việc thực hiện các hoạt động của Quyết định này bảo đảm không chồng chéo về đối tượng và nội dung hỗ trợ trên cùng địa bàn.

Điều 5. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Bộ Tư pháp:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Tổng hợp dự toán các hoạt động do Bộ chủ trì thực hiện và của các tỉnh chưa tự cân đối ngân sách đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này gửi Bộ Tài chính;

c) Lập phương án phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các địa phương chưa tự cân đối ngân sách theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này trên cơ sở Bộ Tài chính thông báo kinh phí hỗ trợ các địa phương thực hiện Quyết định này;

d) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả các hoạt động do ngân sách trung ương hỗ trợ;

đ) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền dùng hỗ trợ kinh phí thực hiện đối với các hoạt động khi phát hiện sai phạm; thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ và sơ kết, tổng kết theo quy định.

2. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Quyết định này;

b) Bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Quyết định này trên cơ sở phương án phân bổ kinh phí của Bộ Tư pháp cho các địa phương chưa tự cân đối ngân sách.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan có giải pháp huy động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để thực hiện Quyết định này;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính cân đối ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện Quyết định này.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình hỗ trợ, tạo điều kiện để các địa phương thực hiện có hiệu quả Quyết định này và phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này tại địa phương;

b) Đối với các địa phương tự cân đối ngân sách: có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động quy định tại Quyết định này;

c) Đối với các địa phương chưa tự cân đối ngân sách: có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động quy định tại các điểm c, đ và e khoản 4 Điều 2 theo định mức tài chính quy định tại Điều 3 Quyết định này. Đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ngành có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 2 theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này;

d) Kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20...

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (5b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính